

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2019

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1985, HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Nơi ở hiện nay: ấp R, xã B, huyện H, tỉnh K, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16 tháng 4 năm 2019 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau:* Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Th chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 13 tháng 3 năm 2009 theo bản sao trích lục kết hôn số 142/TLKH-BS ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Cuộc sống hôn nhân lúc đầu hạnh phúc. Đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn do ông Th thường xuyên nhậu nhẹt và đánh bà nhiều lần, dẫn đến không tiếp tục sống được, nên bà và

con về nhà mẹ ruột ở K sống từ đó đến nay. Nay bà Nguyễn Thị A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2008. Bà A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn Th vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Th có lời khai như sau: Ông và bà Nguyễn Thị A tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như Bà A trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do lúc nóng giận đã tát vợ, nên Bà A đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ năm 2016, vợ chồng sống ly thân từ đó. Tuy nhiên, ông cũng thường xuyên đến nhà mẹ vợ mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, do còn thương vợ con ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2008; Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy cả hai đã sống ly thân 6 năm, nhưng vẫn không thể hàn gắn được, nghĩ cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng. Do đó, có cơ sở cho ly hôn theo yêu cầu của Bà A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2008. Các cháu Hạnh và Oanh đều có nguyện vọng được sống với bà Nguyễn Thị A, do đó cần giao con chung cho Bà A nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng các cháu

và quy định pháp luật. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có bà Nguyễn Thị A có mặt, ông Nguyễn Văn Th đều vắng mặt. Do đó, không tiến hành hòa giải được.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập*: Biên bản xác minh ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại ấp T, xã T, huyện T.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu; ông Nguyễn Văn Th vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập họp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn Th có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 13 tháng 3 năm 2009 theo bản sao trích lục kết hôn số 142/TLKH-BS ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Ông Th thì không đồng ý ly hôn, xét về tình cảm Bà A và ông Th thì thấy rằng: Cả hai đã xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ năm 2013, trong suốt thời gian dài vẫn không thể tạo điều kiện để hàn gắn được, theo nội dung xác minh tại Ban ấp T, xã T ngày 22 tháng 5 năm 2019 có xác định: “.....ông Th thường hay nhậu nhẹt và bà Nguyễn Thị A đã bỏ đi đâu từ 3-4 năm nay”. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Thị A xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 11

năm 2004 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2008. Các cháu Hạnh và Oanh đều có nguyện vọng được sống với bà Nguyễn Thị A, ông Th cũng không có ý kiến về nuôi con chung, do đó cần giao con chung cho Bà A nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng các cháu và quy định pháp luật theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị A và Ông Nguyễn Văn Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị A cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Th quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014703 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Nguyễn Thị A đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 13 tháng 3 năm 2009 (theo bản sao trích lục kết hôn số 142/TLKH-BS ngày 16 tháng 4 năm 2019) của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h.Tỉnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã T;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ